



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI

KỶ NIỆM 60 NĂM THÀNH LẬP (1959 - 2019)

**TUYỂN TẬP HỘI NGHỊ
KHOA HỌC THƯỜNG NIÊN
NĂM 2019**

PROCEEDINGS OF THE ANNUAL CONFERENCE OF THUYLOI UNIVERSITY

ISBN: 978-604-82-2981-8



NHÀ XUẤT BẢN YÊN BÁI

MỤC LỤC

Lời nói đầu

Báo cáo Khoa học điển hình

Impacts assessments of dam development on flow, sediment, and salinity intrusion into Vietnamese Mekong Delta

Sameh Kantoush, Doan Van Binh, Nguyen Phuong mai, Tetsuya Sumi, La Vinh Trung

Current research trends on flooding in South Korea

Professor Kwansue Jung

Giao thông công cộng ở Hà Nội, TP Hồ Chí Minh: Thực trạng và giải pháp

GS.TS Vũ Đình Phụng

Tiểu ban: Công trình 1

1. Thí nghiệm mô phỏng một điều kiện hình thành và phát triển vết nứt trong thân và nền đập vật liệu địa phương
Trần Duy Quân, Shinichi Nishimura 3
2. Tính toán kiểm tra sự làm việc an toàn của đập tràn sự cố hồ chứa nước Yên Lập - Quảng Ninh
Phạm Thị Hương..... 6
3. Phần mềm thiết kế thành phần bê tông theo phương pháp ACI ứng dụng cho điện thoại di động
Hoàng Quốc Gia, Trịnh Khắc Kiên..... 9
4. Xác định các kích thước cơ bản của tháp điều áp máng tràn
Nguyễn Đức Nghĩa..... 12
5. Khảo sát phân kè sông bên dưới mặt nước bằng phương pháp radar đất
Phạm Lê Hoàng Linh, Vũ Hoàng Hiệp, Dương Văn Sáu, Hoàng Việt Hùng..... 15
6. Đánh giá khả năng phát điện theo kế hoạch huy động nguồn năm 2019
Hoàng Công Tuấn..... 18
7. Nghiên cứu quan trắc thẳm dưới nền đập định bình và sử dụng số liệu trong đánh giá ổn định đập
Nguyễn Phương Dung..... 21
8. Đánh giá ảnh hưởng của các hồ chứa Trung Quốc đến vận chuyển bùn cát sông Hồng (sông Đà, sông Thao)
Lê Văn Thịnh..... 24
9. Xác định vùng hạn chế phát điện của trạm thủy điện
Nguyễn Đức Nghĩa, Nguyễn Văn Sơn..... 27

215. Implementation of jigsaw ii in teaching speaking skills with 'prepare' textbook <i>Vu Thi Anh Phuong</i>	673
216. Noticeable feedback from students and some suggestions for teaching english 2 using market leader <i>Do Van Trien, Tran Thi Chi</i>	676
217. Đánh giá tính hiệu quả của phương thức dạy từ vựng qua bài hát tiếng Anh <i>Nguyen Thi Cuc</i>	679
218. English as a lingua franca (ELF) in Asean countries <i>Winn Myintzu</i>	682
219. The 21st century competences into english language education <i>Nguyen Van Son</i>	685
220. Phương thức dịch tiêu đề phim tiếng Anh sang tiếng Việt <i>Nguyen Thi Thao</i>	688
221. The current situation of esp teaching at a technical university from teachers' perspectives <i>Duong Thuy Huong</i>	691
222. Applying suitable techniques in teaching reading english at Hanoi University of Natural Resources <i>Tong Hung Tam, Nguyen Hung Binh</i>	694
223. Tác động của việc áp dụng mô hình lớp học đảo ngược tới thái độ, hành vi học tiếng Anh của sinh viên <i>Truong Thi Thanh Thuy</i>	697

Tiểu ban: Thủy văn - Thủy lực 1

224. Kết hợp mô phỏng dòng chảy với mô hình tối ưu nâng cao hiệu quả phát điện các hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn trong mùa cạn <i>Tô Việt Thắng, Ngô Lê Long</i>	703
225. Phân tích lựa chọn hàm phân phối xác suất cho dữ liệu mưa thuộc lưu vực sông Cái tỉnh Ninh Thuận <i>Đặng Đồng Nguyên, Triệu Ánh Ngọc, Đỗ Văn Đạo, Nguyễn Đăng Tâm</i>	706
226. Mô phỏng ngập lụt hạ du hồ ngàn trươi khi vỡ đập và xả lũ <i>Hoàng Thanh Tùng, Nguyễn Hoàng Sơn</i>	709
227. Đánh giá và nâng cao chất lượng dự báo mưa phục vụ dự báo lũ đến hồ Dakdrinh, Quảng Ngãi <i>Vũ Thanh Tú, Nguyễn Tiến Thành</i>	712
228. Ứng dụng mô hình động lực trong nghiên cứu hạn khí tượng cho lưu vực sông Cà <i>Nguyễn Tiến Thành</i>	715

TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC ÁP DỤNG MÔ HÌNH LỚP HỌC ĐẢO NGƯỢC TỚI THÁI ĐỘ, HÀNH VI HỌC TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN

Trương Thị Thanh Thủy

Trường Đại học Mở Địa chất, email: thuyymb@gmail.com

1. GIỚI THIỆU CHUNG

“Lớp học đảo ngược” có thể được định nghĩa là mô hình giáo dục mà theo đó các bài giảng truyền thống và phần bài tập về nhà hoán đổi vị trí cho nhau (Hamden et al, 2013; Lage et al, 2000).

Đối với mô hình lớp học truyền thống, người học tiếp thu kiến thức qua bài giảng trên lớp, và làm bài tập thực hành tại lớp hoặc tại nhà. Khi áp dụng mô hình “Lớp học đảo ngược”, theo Brame (2013), người học tự đọc, tóm tắt tài liệu, nghe giảng thông qua các phương tiện hỗ trợ. Bài tập mà người học cần chuẩn bị trước khi đến lớp chính là nội dung của bài giảng lý thuyết. Thời gian trên lớp, thay vì thuyết trình, giảng viên đóng vai trò là người hướng dẫn, hỗ trợ, giúp người học giải quyết những vấn đề khó hiểu trong bài học đồng thời người học sẽ tập trung vào các hoạt động giải bài tập, ứng dụng lý thuyết bài giảng vào thực hành, thảo luận cặp, nhóm để cùng tương tác, giải quyết vấn đề.

Dạy và học theo mô hình lớp học đảo ngược tạo cơ hội tăng cường tiếp xúc, tương tác giữa thầy và trò, giữa trò và trò. Điều này khuyến khích người học chủ động tích cực tham gia vào quá trình lĩnh hội kiến thức, rèn luyện kỹ năng. Môi trường học tập như vậy thực sự lý tưởng đối với người học, đặc biệt là với các lớp học ngoại ngữ bởi thái độ học tập tích cực của người học là một trong những yếu tố hết sức quan trọng mang lại hiệu quả cho việc dạy và học ngoại ngữ.

Nhận thức được tầm quan trọng của ứng dụng mô hình lớp học đảo ngược trong dạy và

học ngoại ngữ, tác giả đã tiến hành nghiên cứu tại lớp học mình phụ trách. Trong phạm vi bài báo này, tác giả đề cập tới tác động của việc áp dụng mô hình lớp học đảo ngược đối với thái độ và hành vi học tiếng Anh của sinh viên.

2. PHƯƠNG PHÁP VÀ ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

Phương pháp nghiên cứu được tác giả sử dụng chủ yếu là phương pháp quan sát qua kiểm đếm, ghi chép; phương pháp điều tra khảo sát bằng sử dụng bản câu hỏi, phân tích tài liệu và tổng hợp các nội dung đã phân tích. Nghiên cứu được thực hiện trên 40 sinh viên trường đại học Mở - Địa chất, nhóm 14, môn học tiếng Anh 2, thời lượng 3 đơn vị tín chỉ, thời gian học từ ngày 07/01/2019 đến 09/06/2019. Nghiên cứu chia làm hai giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Từ ngày 07/01 đến ngày 09/04; sinh viên học theo mô hình lớp học truyền thống với thời lượng 21 tiết học trên lớp.

- Giai đoạn 2: Từ ngày 09/04 đến ngày 09/06 sinh viên học theo mô hình lớp học đảo ngược với thời lượng 24 tiết học trên lớp.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Mô tả và thảo luận

3.1.1. Sơ lược về môn học tiếng Anh 2

Môn học tiếng Anh 2 tại trường Đại học Mở - Địa chất có thời lượng 3 đơn vị tín chỉ, với khối kiến thức và kỹ năng trang bị cho sinh viên sau khi hoàn thành môn học tương

đương trình độ bậc 2 Khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam (KNLNNVN). Giáo trình chính sử dụng trên lớp được lựa chọn là giáo trình New English File Pre-Intermediate do nhà xuất bản Oxford University Press phát hành năm 2006. Giáo trình tham khảo gồm bộ Cambridge Key English Test (KET) volume 3, 4, 5 Cambridge University Press (2010) và cuốn Practice Tests do cán bộ Bộ môn Ngoại ngữ biên soạn dùng lưu hành nội bộ. Đề cương chi tiết môn học nêu rõ, với thời lượng 45 tiết học trên lớp, người dạy và người học cần hoàn thiện khối lượng kiến thức và kỹ năng trong 5 bài học từ bài số 5 đến bài số 9. Phân hướng dẫn tự học trong đề cương chi tiết yêu cầu người học hoàn thành các phần ôn tập ở cuối mỗi bài tại nhà.

3.1.2. Giảng dạy theo hai mô hình: truyền thống và đảo ngược

Trong giai đoạn 1 của nghiên cứu, giảng viên áp dụng mô hình lớp học truyền thống, cụ thể như sau:

- Phần ngữ pháp: giảng viên giảng ngữ pháp theo phương pháp thuyết trình, kết hợp trình chiếu. Sinh viên nghe, ghi chép, và luyện tập theo yêu cầu của giảng viên. Thời gian luyện tập tương đương 1/3 thời gian thuyết trình. Cuối buổi học giảng viên giao các bài tập trong giáo trình có liên quan tới bài học và sẽ kiểm tra bài tập của sinh viên vào buổi học kế tiếp.

- Phần từ vựng: giảng viên giải thích nghĩa và hướng dẫn phát âm của các từ và cụm từ. Sinh viên ghi chép và thực hành. Thời gian thực hành bằng khoảng 1/3 thời gian giảng viên giải thích từ.

- Phần kỹ năng ngôn ngữ: giảng viên hướng dẫn sinh viên thực hành các kỹ năng ngôn ngữ theo hướng dẫn, áp dụng phương pháp thực hành theo cặp, theo nhóm hoặc thảo luận. Tuy nhiên do hạn chế về mặt thời gian trên lớp nên các phần thực hành hầu như chỉ là lướt qua và nhiều khi để đảm bảo không bị chày giáo án, giảng viên đã giúp sinh viên tìm ra câu trả lời cho các phần đọc hiểu hoặc nghe hiểu.

Giai đoạn 2 của nghiên cứu được giảng viên áp dụng mô hình lớp học đảo ngược đối với một số giờ lên lớp. Quy trình dạy học được tiến hành theo các bước sau:

- Lập nhóm Facebook của lớp và mời cả lớp tham gia nhóm.

- Thiết kế bài giảng, lựa chọn video và tài liệu học phù hợp, chia sẻ trên nhóm.

- Giao nhiệm vụ cho sinh viên và ấn định hạn nộp bài tập (chậm nhất là 12 tiếng trước buổi học tiếp theo).

- Kiểm tra việc hoàn thành nhiệm vụ của sinh viên, ghi lại lỗi sinh viên mắc phải để xác định mức độ hiểu bài của sinh viên và chuẩn bị cho thảo luận trên lớp.

- Tiến hành các hoạt động học tập trên lớp: thảo luận cặp, thảo luận nhóm, thuyết trình theo nhóm, giải quyết các thắc mắc.

Căn cứ vào các tài liệu tham khảo có liên quan tới lĩnh vực nghiên cứu và dựa trên thực tiễn giảng dạy, giảng viên lựa chọn nội dung áp dụng mô hình lớp học đảo ngược là phần từ vựng và ngữ pháp.

3.2. Kết quả nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện nghiên cứu về tác động của việc áp dụng mô hình lớp học đảo ngược tới thái độ, hành vi học tiếng Anh của sinh viên, sử dụng phương pháp quan sát, ghi chép thống kê lại các nội dung quan sát như số lượng sinh viên làm bài tập về nhà, số lượng sinh viên tranh thủ chép bài tập của bạn, số lượng sinh viên chủ động đặt câu hỏi tương tác với giảng viên và bạn học, số lượng sinh viên chủ động xung phong trả lời các câu hỏi của giảng viên và của bạn học, tác giả đã thu thập được những kết quả như sau:

- Đối với ý thức và hành vi trong việc chuẩn bị bài về nhà: do việc chuẩn bị bài về nhà là yêu cầu bắt buộc với sinh viên nên tỉ lệ chuẩn bị bài về nhà ở cả hai giai đoạn đều rất cao, chiếm từ 95-98%. Tuy nhiên ở giai đoạn 1, giảng viên sẽ bắt gặp tình trạng chuẩn bị bài theo cách đối phó, cụ thể khoảng 20% số sinh viên trong lớp học thường đợi tới gần giờ học mới tranh thủ chép bài tập của bạn. Trong giai đoạn 2, tình trạng này đã được cải thiện

đang kể do sinh viên được yêu cầu nộp bài online nhiều nhất trong buổi học kể tiếp 12 tiếng. Số sinh viên nộp bài sai giờ quy định chiếm 10%. Số bài đánh giá cho thấy sinh viên có ý thức chủ động hơn, có mặt nhiều hơn thành bài tập của mình trong thời hạn.

- Đối với các hoạt động tương tác: Giữa sinh viên và giảng viên, giữa sinh viên và sinh viên đã thực hiện nhiều hoạt động tương tác trên nhóm online khi tham gia diễn đàn thảo luận hay thực hiện bài tập đã chuẩn trên lớp học.

Ngoài việc sử dụng phương pháp quan sát người học, tác giả đã sử dụng bản câu hỏi khảo sát nhằm thu thập những kết quả mang tính khách quan về chủ đề nghiên cứu. Bản khảo sát gồm 10 câu hỏi được phát cho 40 sinh viên trong nhóm trả lời khi kết thúc giai đoạn 1 và giai đoạn 2 của nghiên cứu.

- Đối với việc chuẩn bị bài ở nhà, trong giai đoạn 1 có 10% số sinh viên lựa chọn làm ngay sau khi được giao bài, và giai đoạn 2 không có sinh viên nào chọn làm ngay do các em cần có thời gian nghiên cứu video bài giảng và các tài liệu được chia sẻ. Tuy nhiên chỉ có 10% sinh viên trong giai đoạn 2 của nghiên cứu lựa chọn làm bài sát hạn quy định, trong khi con số này là 25% ở giai đoạn 1.

- Đối với các hoạt động trên lớp học, ở giai đoạn 1 có 47,5% số sinh viên trả lời có tham gia vào các hoạt động học tập như nghe giảng, thảo luận, 52,5% làm các việc không liên quan tới học tiếng Anh với lý do không hiểu bản giảng. Trong giai đoạn 2, số sinh viên tham gia các hoạt động học tập trên lớp tăng lên 62,5% do các em đã cơ bản nắm được kiến thức của buổi học ngày hôm đó trước khi đến lớp nên tự tin hơn khi tham gia các hoạt động học tập.

- Đối với các hoạt động tương tác với giảng viên và bạn cùng lớp, trong giai đoạn 1 có tới 70% số sinh viên trả lời rất ít hoặc hầu như không có sự tương tác với giảng viên cũng như bạn cùng lớp với lý do không được các cơ hội tương tác cũng như thời gian dành cho các hoạt động tương tác là quá ít. Trong giai đoạn 2 của nghiên cứu, số sinh

viên lựa chọn câu trả lời đã có tương tác chiếm 57,5% tổng số sinh viên trong lớp.

- Đối với hứng thú học tiếng Anh, trong giai đoạn 1 chỉ có 22,5% số sinh viên trả lời thích học tiếng Anh, giai đoạn 2 con số tăng lên tới 42,5%.

Từ các kết quả trên có thể sơ bộ đánh giá việc áp dụng mô hình lớp học đảo ngược có tác động tích cực tới ý thức và hành vi học tiếng Anh của một nhóm sinh viên trường kỹ thuật, một môi trường vẫn mặc định rằng việc học tiếng Anh là ép buộc.

4. KẾT LUẬN

Việc áp dụng mô hình lớp học đảo ngược trong giảng dạy tiếng Anh nói riêng cũng như giảng dạy ở bậc đại học là một trong những phương pháp giảng dạy mà các giảng viên có thể cân nhắc lựa chọn kết hợp với những phương pháp giảng dạy khác nhằm tối ưu hóa các phương tiện hỗ trợ học tập hiện đại trong và ngoài lớp học. Để việc dạy và học tiếng Anh theo mô hình này mang lại hiệu quả tốt nhất cần có sự nỗ lực của cả người dạy và người học bởi lớp học đảo ngược chưa bao giờ và cũng sẽ không bao giờ là một công việc dễ dàng cho cả hai bên.

5. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Braine, C. (2013). *Flipping the classroom*. Center for Teaching, Vanderbilt University. <http://cft.vanderbilt.edu/guides-sub-pages/flipping-the-classroom/>.
- [2] Harden, N., et al. (2013). *A Review of Flipped Learning*. Flipped Learning Network. <http://www.flippedlearning.org/ems/lib07/V/A01923112/Centricity/Domain/41/LitReview/FlippedLearning.pdf>.
- [3] Lage, M., et al. (2000). *Inverting the Classroom: A Gateway to Creating an Inclusive Learning Environment*. *The Journal of Economic Education*, Vol.31, No.1, pp.30-43.
- [4] Oxenden, C., et al. (2016). *New English File Pre-Intermediate*. Oxford University Press.